

## Khăn lau không dệt polycellulose vô khuẩn

Khăn lau không dệt vô khuẩn BioClean Oryx có kết cấu hydroentangled polycellulose. Chúng có đặc tính thấm hút tốt, hàm lượng xơ vải thấp, mềm mịn, bền bỉ và chắc chắn. Khăn không chứa chất tẩy trắng quang học hoặc chất làm trắng và được gói trong phòng sạch ISO Loại 5 để đảm bảo mức hạt bụi thấp và có thể trích ly.

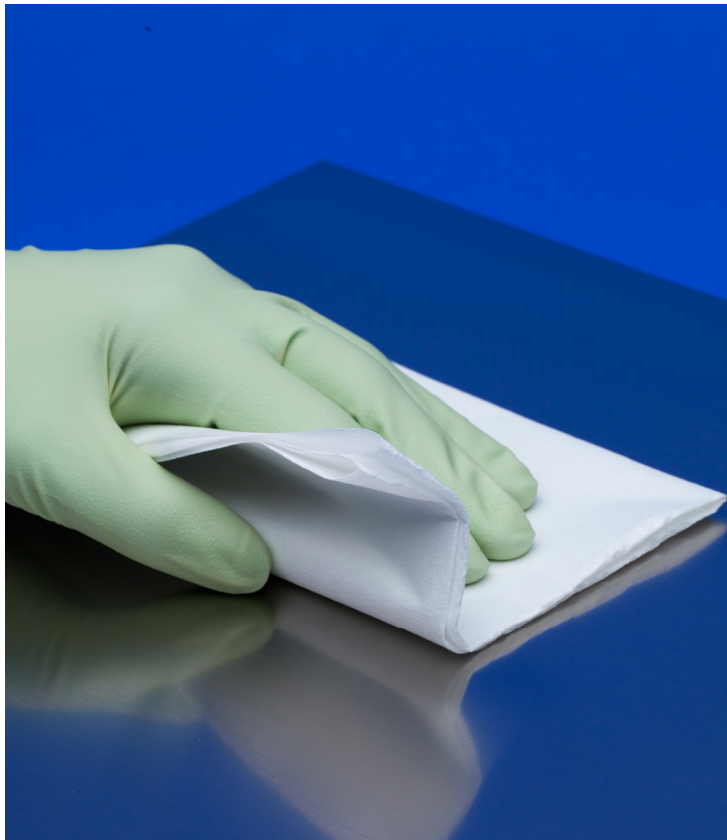
### Key Features and Benefits

Không chứa chất tẩy trắng quang học hoặc chất làm trắng

Lượng xơ vải thấp

Tính năng thấm hút vượt trội

Độ bền bỉ và chắc chắn xuất sắc



### Các ngành công nghiệp

- Môi trường được kiểm soát chính xác
- Chế tạo và Sản xuất



# BioClean™ Oryx BOWS

## TECHNICAL DATA SHEET

### PRODUCT INFORMATION

|                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vật liệu               | Polycellulose                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Màu sắc                | Trắng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm | ISO 9001                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Tiêu chuẩn             | Tiêu chuẩn ISO 2859, Tiêu chuẩn ISO 9001: 2015                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Tổng quan về bao bì    | BOWS-9: 10 cái (gấp theo kiểu chữ C) cho mỗi túi nhựa PE gói trong đóng kín; 10 túi nhựa PE gói trong đóng kín trong túi nhựa PE gói ngoài; 27 túi gói ngoài cho mỗi thùng các tông có lót (2700 cái)<br>BOWS-9B: 300 cái (phẳng) cho mỗi túi nhựa PE gói trong đóng kín; một túi nhựa PE gói trong đóng kín cho mỗi túi PE gói ngoài; tám túi ngoài cho mỗi thùng các tông có lót (2400 cái)<br>BOWS-12: 10 cái (gấp theo kiểu chữ C) cho mỗi túi nhựa PE gói trong đóng kín; 10 túi nhựa PE gói trong đóng kín trong túi nhựa PE gói ngoài; 18 túi gói ngoài cho mỗi thùng các tông có lót (1800 cái) |
| Nước xuất xứ           | Trung Quốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| KÍCH THƯỚC CÓ SẴN      | 230mm x 230mm (9" x 9")                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Phương pháp tiệt trùng | Chiếu tia GAMMA (25 kGy)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Cắt                    | Dao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Trọng lượng            | 68gsm (±3gsm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| Thời hạn sử dụng       | Năm (5) năm từ ngày sản xuất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

### TÍNH CHẤT VẬT LÝ

|                 |                                                  |        |
|-----------------|--------------------------------------------------|--------|
| Lực kéo đứt (N) | Machine Direction                                | 98     |
|                 | Cross Direction                                  | 42     |
| Absorption      | Extrinsic Sorbency Capacity (ml/m <sup>2</sup> ) | 305.90 |
|                 | Intrinsic Sorbency Capacity (ml/g)               | 4.60   |

| Typical Extractable Ions |        |           |           |         |          |
|--------------------------|--------|-----------|-----------|---------|----------|
|                          | Sodium | Potassium | Magnesium | Calcium | Chloride |
| (µg/cm <sup>2</sup> )    | 0.422  | 0.038     | 0.116     | 0.228   | 0.07     |

ND = Not Detected, NT = Not Tested

|                                                                    |                                        |                    |                  |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------|------------------|
| Particle generation (>0.5µm) orbital shake method                  | 4.6 x 10 <sup>3</sup> /cm <sup>2</sup> |                    |                  |
| Particle generation Helmke drum method (average counts per minute) | >0.3µm                                 | >0.5µm             | >5.0µm           |
|                                                                    | 1261 DRY / 363 WET*                    | 850 DRY / 170 WET* | 85 DRY / 29 WET* |

### THÔNG TIN ĐẶT HÀNG

|         |                   |                         |
|---------|-------------------|-------------------------|
|         | KÍCH THƯỚC        | 230mm x 230mm (9" x 9") |
| BOWS 9B | MÃ SỐ ĐẶT MUA LẠI | BOWS-9B                 |

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web [www.ansell.com](http://www.ansell.com) của chúng tôi, hoặc gọi cho chúng tôi theo số

#### Khu vực Châu Âu, Trung Đông & Châu Phi

Ansell Healthcare Europe NV  
Điện thoại: +32 (0) 2 528 74 00  
Fax: +32 (0) 2 528 74 01

#### Khu vực Châu Á Thái Bình Dương

Ansell Global Trading Center  
Điện thoại: +603 8310 6688  
Fax: +603 8310 6699

#### Khu vực Bắc Mỹ

Ansell Healthcare Products LLC  
Số điện thoại tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0444  
Số fax tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0445  
Số điện thoại tại CA: +1-800-363-8340

#### Khu vực Mỹ Latinh & Caribe

Ansell Commercial Mexico S.A. de C.V.  
Điện thoại: +52 442 248 1544 / 248 3133

#### Australia

Ansell Limited  
Điện thoại: +61 1800 337 041  
Fax: +61 1800 803 578

#### Vương quốc Anh

Ansell Nitritex  
Điện thoại: +44 1638 663338  
Fax: +44 1638 668890

Ansell, ® và ™ là các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Ansell Limited hoặc một trong các công ty liên kết của công ty này. Bằng sáng chế Hoa Kỳ và Bằng sáng chế Hoa Kỳ và không thuộc Hoa Kỳ đang chờ xử lý: [www.ansell.com/patentmarking](http://www.ansell.com/patentmarking) © 2025 Ansell Limited. Đã đăng ký Bản quyền.

Tài liệu này cũng như bất kỳ tuyên bố nào khác được đưa ra ở đây bởi hoặc thay mặt cho Ansell đều không được hiểu là sẽ bảo đảm khả năng bán được hoặc rằng bất kỳ sản phẩm nào của Ansell đều phù hợp cho một mục đích cụ thể nào đó. Ansell không chịu trách nhiệm về sự phù hợp hoặc đúng đắn của sự lựa chọn gắng tay của người dùng cuối cho một ứng dụng cụ thể.

